

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/KDTM-ST
Ngày 30-10-2020
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Yến Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đắc Liệt
2. Ông Nguyễn Thành Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vũng tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu Tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2020/TLST-KDTM ngày 07 tháng 8 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 9 năm 2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 17/2020/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (QB);

Địa chỉ trụ sở chính: 28C-28D phố B, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến D – Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đặng Trường C – Phó Giám đốc – Trung tâm xử lý nợ - Phụ trách khu vực Miền Nam (văn bản ủy quyền ngày 10-11-2017);

Ông Đặng Trường C ủy quyền lại cho:

- Ông Đinh Văn V – chuyên viên (văn bản ủy quyền ngày 08-7-2020), có mặt;

- Ông Tống Long H – Chuyên viên xử lý nợ (văn bản ủy quyền ngày 21-9-2020), có mặt;

Địa chỉ liên lạc: Số 175 đường K, phường 3, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn*: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ T;

Địa chỉ trụ sở: Số 15/24B đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Địa điểm kinh doanh: Số 326C đường B, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Người đại diện theo pháp luật đồng thời trực tiếp tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Đức H – Giám đốc;

Địa chỉ liên lạc: Số 248 đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Liên doanh V – N;

Địa chỉ: Số 105 đường L, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17-7-2020 và quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (gọi tắt là QB) và Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ T (gọi tắt là Công ty T) đã ký kết hợp đồng như sau:

Hợp đồng hạn mức tín dụng số: 178/17/HĐHM – 9232 ngày 21-9-2017.

Hạn mức được cấp: 4.000.000.000 đồng.

Thời hạn vay duy trì hạn mức : 12 tháng.

Mục đích vay: Cho vay bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền mua vật tư.

Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ.

Khế ước nhận nợ số: 010/KUNN/178/17/HĐHM – 9232 ngày 18-9-2018 lãi suất 10.5%/năm trong 3 tháng đầu, sau đó thay đổi theo quy định tại khoản 7 của khế ước nhận nợ. Số tiền nhận nợ: 1.550.000.000 đồng, thời hạn vay 9 tháng kể từ ngày nhận nợ.

Khế ước nhận nợ số: 011/KUNN/178/17/HĐHM – 9232 ngày 19-9-2018 lãi suất 10.5%/năm trong 3 tháng đầu, sau đó thay đổi theo quy định tại khoản 7 của khế ước nhận nợ. Số tiền nhận nợ: 1.604.680.000 đồng, thời hạn vay 9 tháng kể từ ngày nhận nợ.

Khế ước nhận nợ số: 012/KUNN/178/17/HĐHM – 9232 ngày 20-9-2018 lãi suất 10.5%/năm trong 3 tháng đầu, sau đó thay đổi theo quy định tại khoản 7 của khế ước nhận nợ. Số tiền nhận nợ: 845.320.000 đồng, thời hạn vay 9 tháng kể từ ngày nhận nợ.

Tài sản thế chấp: Để đảm bảo các khoản vay trên, Công ty T đã thế chấp cho QB các tài sản sau:

1. Tài sản 1: Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số: 297/18/HĐTC – 9232 ngày 18-9-2018, quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng số 77-2/18-KT/T ngày 12-9-2018 ký giữa Công ty T với Liên doanh V – N– Xí nghiệp khai thác Dầu Khí. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18-9-2018 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đ.

2. Tài sản 2: Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số: 298/18/HĐTC – 9232 ngày 19-9-2018, quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng số 042 - 2/18-KT/T ngày 13-9-2018 ký giữa Công ty T với Liên doanh V – N– Xí nghiệp khai thác Dầu Khí. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19-9-2018 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đ.

3. Tài sản 3: Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số: 300/18/HĐTC – 9232 ngày 20-9-2018, quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng số 042 - 2/18-KT/T ngày 10-9-2018 ký giữa Công ty T với Liên doanh V – N – Xí nghiệp khai thác Dầu Khí. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20-9-2018 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đ.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng nêu trên Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, chưa thanh toán cho QB bất kỳ khoản nợ gốc, lãi nào theo quy định tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký, do vậy khoản nợ vay đã bị quá hạn.

Nay Ngân hàng TMCP Q yêu cầu Tòa tuyên:

- Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ T phải trả cho QB tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 30-9-2020 là:

Nợ gốc: 4.000.000.000 đồng.

Nợ lãi trong hạn: 138.730.814 đồng.

Nợ lãi quá hạn: 957.755.526 đồng.

Tổng cộng: 5.096.486.340 đồng.

Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ T phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh tính từ ngày 31-10-2020 theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng hạn mức tín dụng số 178/17/HĐHM – 9232 ngày 21-9-2017 và các khế ước nhận nợ, cho đến khi trả dứt nợ tại QB.

Nếu Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ T không thanh toán các khoản nợ trên thì QB được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo các quyền và lợi ích phát sinh từ các hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ sau để thu hồi nợ:

1. Tài sản 1: Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số: 297/18/HĐTC – 9232 ngày 18-9-2018, quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng số 77-2/18-KT/T ngày 12-9-2018 ký giữa Công ty T với Liên doanh V – N– Xí nghiệp khai thác Dầu Khí.

Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18-9-2018 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đ.

2. Tài sản 2: Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số: 298/18/HĐTC – 9232 ngày 19-9-2018, quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng số 042 - 2/18-KT/T ngày 13-9-2018 ký giữa Công ty T với Liên doanh V – N– Xí nghiệp khai thác Dầu Khí. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19-9-2018 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đ.

3. Tài sản 3: Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số: 300/18/HĐTC – 9232 ngày 20-9-2018, quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng số 042 - 2/18-KT/T ngày 10-9-2018 ký giữa Công ty T với Liên doanh V – N– Xí nghiệp khai thác Dầu Khí. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20-9-2018 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đ.

Theo bản khai và quá trình giải quyết vụ án đại diện cho bị đơn Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ T trình bày:

Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ T hiện đang hoạt động bình thường do ông Nguyễn Đức H là Giám đốc đại diện theo pháp luật.

Toàn bộ quá trình vay vốn ký kết hợp đồng tín dụng như đại diện nguyên đơn đã trình bày là đúng. Tháng 2-2018 ông H có mở ra một loại hình kinh doanh y học cổ truyền tại số 146 Trương Công Định, phường 3, TP Vũng Tàu. Lúc này do thiếu vốn đã vay của QB 1,3 tỷ đồng dựa trên các hợp đồng Dầu Khí (hợp đồng này không có thực). Khi kinh doanh mọi việc không như tính toán, tháng nào cũng bị lỗ nặng, đến hạn trả các khoản vay đều không trả được. Lúc này QB đề nghị đáo hạn và vay lại đến con số nợ 4.000.000.000 đồng. Nay Công ty T công nhận còn nợ và đồng ý thanh toán số tiền nợ gốc tính đến ngày 30-9-2020 là 4.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 138.730.814 đồng, nợ lãi quá hạn 957.755.526 đồng, tổng cộng là 5.096.486.340 đồng.

Theo Văn bản ý kiến đề ngày 04-9-2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Liên doanh V – N trình bày:

Xí nghiệp khai thác Dầu Khí là đơn vị trực thuộc của Liên doanh V - N, đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án về việc đại diện Liên doanh V – N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện “tranh chấp hợp đồng tín dụng” do Ngân hàng TMCP D khởi kiện Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ T.

V - N đã tiến hành rà soát, kiểm tra thông tin về 3 hợp đồng ngày 12-9-2018, ngày 13-9-2018, và ngày 10-9-2018 mà Quý Tòa nêu trong Thông báo thụ lý vụ án số 34/2020/TB-TLVA ngày 07-8-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu là có thể được sử dụng để Công ty T thế chấp cho Ngân hàng TMCP D. Về vấn đề nêu trên, V – N xin trình bày ý kiến như sau:

V – N chưa từng ký kết bất kỳ hợp đồng nào trong tổng số 03 hợp đồng (với thông số về ngày ký kết, số hợp đồng, đối tượng hợp đồng, giá trị hợp đồng...) như được nêu trong bản Thông báo thụ lý vụ án số 34/2020/TB-TLVA

ngày 07-8-2020 của Tòa án.

Đây là tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP D và Công ty T, V- N không có ý kiến độc lập trong vụ án này. V - N cam kết các nội dung trên là đúng sự thật và sẵn sàng cung cấp các tài liệu, bằng chứng liên quan khi nhận được yêu cầu của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật theo Điều 70, 71 Bộ luật TTDS. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua xem xét toàn bộ chứng cứ có trong hồ sơ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 30-10-2020 là 5.096.486.340 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo các quyền và lợi ích phát sinh từ các hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ vì các hợp đồng trên không có thực, có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự nhưng các đương sự không có đơn yêu cầu chuyển sang cơ quan công an xem xét trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa hai chủ thể có đăng ký kinh doanh và cùng có mục đích lợi nhuận, bị đơn có trụ sở hoạt động tại thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

1.2. Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Liên doanh V – N vắng mặt nhưng có văn bản ý kiến có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự trên.

[2] Xét về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét về yêu cầu trả nợ gốc và lãi:

Theo hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 178/17/HĐHM – 9232 ngày 21-9-2017 và 03 Khế ước nhận nợ số: 010/KUNN/178/17/HĐHM – 9232 ngày 18-9-2018; Khế ước nhận nợ số: 011/KUNN/178/17/HĐHM – 9232 ngày 19-9-2018; Khế ước nhận nợ số: 012/KUNN/178/17/HĐHM – 9232 ngày 20-9-2018 thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (gọi tắt là QB) cho Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ T (gọi tắt là Công ty T) vay số tiền 4.000.000.000đ (bốn tỷ đồng), thời hạn vay duy trì hạn mức 12 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền mua vật tư, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty T theo hợp đồng đã ký kết.

Quá trình thực hiện các hợp đồng, Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, chưa thanh toán cho QB bất kỳ khoản nợ gốc, lãi nào theo quy định. Do đó QB đã chuyển nợ của Công ty T sang nợ quá hạn nhưng Công ty T không có ý thức trả nợ cho QB, dừng hoạt động kinh doanh, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đến kỳ hạn thanh toán như đã thỏa thuận theo Điều 5, Điều 6 của hợp đồng hạn mức cấp tín dụng được lập giữa hai bên.

Tại phiên tòa, QB vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị HĐXX buộc bị đơn phải thanh toán tổng số tiền còn nợ theo hợp đồng tính đến ngày 30-9-2020 là 5.039.082.712 đồng, trong đó nợ gốc: 4.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 138.730.814 đồng, nợ lãi quá hạn 900.351.897 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên.

Xét việc thỏa thuận ký kết hợp đồng hạn mức cấp tín dụng và 3 khế ước nhận nợ giữa QB và Công ty T: Nội dung hợp đồng phù hợp với khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30-12-2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng. Công ty T đã vi phạm thời hạn nghĩa vụ trả nợ, vì vậy QB khởi kiện yêu cầu Công ty T trả số nợ 5.096.486.340 đồng trong đó gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn là phù hợp cần được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ:

Để đảm bảo các khoản vay trên, Công ty T đã thế chấp cho QB các tài sản sau:

1. Tài sản 1: Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số: 297/18/HĐTC – 9232 ngày 18-9-2018, quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng số 77-2/18-KT/T ngày 12-9-2018 ký giữa Công ty T với Liên doanh V – N– Xí nghiệp khai thác Dầu Khí. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18-9-2018 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đ.

2. Tài sản 2: Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số: 298/18/HĐTC – 9232 ngày 19-9-2018, quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng số 042 - 2/18-KT/T ngày 13-9-2018 ký giữa Công ty T với Liên doanh V – N– Xí nghiệp khai thác Dầu Khí. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19-9-2018 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đ.

3. Tài sản 3: Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số: 300/18/HĐTC – 9232 ngày 20-9-2018, quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng số 042 - 2/18-KT/T ngày

10-9-2018 ký giữa Công ty T với Liên doanh V – N– Xí nghiệp khai thác Dầu Khí. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20-9-2018 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đ.

Để làm rõ yêu cầu khởi kiện và nhằm mục đích bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho nguyên đơn, Tòa án đã đưa Liên doanh V – N tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Mặc dù Liên doanh V – N không trực tiếp tham gia tố tụng nhưng có gửi văn bản ý kiến và tài liệu chứng cứ kèm theo. Tại bản khai của Liên doanh V – N khẳng định chưa từng ký kết bất kỳ hợp đồng nào trong tổng số 03 hợp đồng được nêu trong bản Thông báo thụ lý vụ án số 34/2020/TB-TLVA ngày 07-8-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu nên không có ý kiến độc lập trong vụ án. Về phía Công ty T cũng thừa nhận các hợp đồng thế chấp trên là không có thật nhưng vì Công ty gặp khó khăn tài chính cần vốn vay nên tự lập các hợp đồng trên nhằm tạo lòng tin cho Ngân hàng.

Xét thấy, đây là lỗi của Ngân hàng trong việc nhận tài sản đảm bảo không đúng quy định, không chặt chẽ, tài sản đảm bảo thực tế không có thật, không phải là tài sản của bị đơn nhưng vẫn thực hiện việc thế chấp là có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự được quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên Ngân hàng và Liên doanh V – N không có đơn yêu cầu xem xét về trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử không có cơ sở yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, do đó, yêu cầu này của nguyên đơn không được chấp nhận. Đồng thời kiến nghị Ngân hàng TMCP Q cần có biện pháp xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật đối với các cá nhân liên quan.

[3] Trong vụ án này người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có đơn yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 113.096.486 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.400.000 đồng.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ T.

Buộc Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q tổng số tiền tính đến ngày 30-10-2020 là 5.096.486.340đ (năm tỷ không trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi sáu ngàn ba trăm bốn mươi đồng), trong đó nợ gốc 4.000.000.000đ (bốn tỷ đồng), nợ lãi trong hạn: 138.730.814đ (một trăm ba mươi tám triệu bảy trăm ba mươi ngàn tám trăm mười bốn đồng), nợ lãi quá hạn: 957.755.526đ (chín trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi lăm ngàn năm trăm hai mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q đối với bị đơn Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ T về việc nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

3. Về án phí: Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ T phải nộp 113.096.486 đ (một trăm mười ba triệu không trăm chín mươi sáu ngàn bốn trăm tám mươi sáu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền 56.400.000đ (năm mươi sáu triệu bốn trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002325 ngày 06-8-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa hoặc có người đại diện hợp pháp có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Về quyền yêu cầu thi hành: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THA DS TP Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Thị Yến Oanh

